TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LAGI
TỈNH BÌNH THUẬN
Bản án số: 18/2018/DS-ST
Ngày: 05/11/2018
V/v: "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoa Nga.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Hoàng Hải
2. Bà Vũ Thị Minh Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2018/TLST-DS ngày 09/7/2018, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-DS ngày 12/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-DS ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1949; (Có mặt)
Địa chỉ: Khu phố S, phường P H, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1960; (Có mặt)
Địa chỉ: Khu phố B, phường P H, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Ông Đặng Minh H, sinh năm 1949; (Có mặt)
Địa chỉ: Khu phố S, phường P H, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
+ Ông Nguyễn M, sinh năm 1940; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố B, phường P H, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2014, bà Đ nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Xuân T vay tiền về để sửa nhà, vay để đóng huê hụi, lấy vốn làm ăn. Đến ngày 01/5/2018, bà T viết giấy thống kê các khoản nợ và xác nhận hiện số tiền nợ tổng cộng là **743.800.000đ** (bảy trăm bốn mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Đối với các khoản vay thì hai bên thỏa thuận lãi 5%/ tháng, thời hạn vay khi bà Đ cần thì bà T phải trả. Sau khi vay tiền bà T đã trả cho vợ chồng bà Đ tiền lãi là 36.000.000 đồng (cụ thể ngày tháng nào thì bà không nhớ), còn nợ 127.200.000

đồng lãi chưa trả, tính đến ngày 01/5/2018, bà T đã thống nhất ghi trong giấy xác nhận.

Quá trình vay mượn bà T không thực hiện đúng cam kết nên bà Đ khởi kiện, vợ chồng bà Đ xác định số tiền bà T nợ là tài sản chung của ông bà, ông bà yêu cầu hai vợ chồng bà T cùng có nghĩa vụ trả nợ, vì khoản nợ do bà T vay để làm ăn, lo cho gia đình. Khi Tòa án mở phiên họp công khai việc giao nộp tiếp cận chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn không yêu cầu chồng của bà Nguyễn Thị Xuân T có trách nhiệm cùng trả mà chỉ yêu cầu cá nhân bà T trả nợ. Sau khi thỏa thuận thì bà T lại thay đổi ý kiến. Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà T cùng có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà số tiền nợ theo giấy lập ngày 01/5/2018.

Tại phiên tòa, nguyên đơn nhận thấy việc tính lãi đến ngày 01/5/2018 là 127.200.000đ vượt quá lãi suất theo qui định của pháp luật nên đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện số tiền lãi 127.200.000đ. Tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu tính lãi của khoản nợ gốc (616.600.000đ) từ ngày 02/5/2018 đến ngày xét xử theo mức lãi suất qui định.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân T thừa nhận có quen biết và có vay nợ nhiều lần của vợ chồng nguyên đơn từ năm 2013, nợ gốc còn chưa trả là 220.000.000 đồng. Bà T thừa nhận chữ viết trong giấy kê nợ lập ngày 01/5/2018 do bà trực tiếp viết ra, trong đó có nhiều khoản bà T không thừa nhận, về khoản tiền lãi 127.200.000đ bà T cũng xin không trả vì đã trả lãi rất nhiều cho bà Đ trong thời gian vay mượn, hơn nữa do điều kiện gia đình bà hiện nay rất khó khăn.

Tại phiên họp công khai việc giao nộp tiếp cận chứng cứ và hòa giải, bà T thừa nhận có nợ vợ chồng bà Đ 743.800.000 đồng và khai nợ này của cá nhân bà chứ không liên quan đến chồng là ông Nguyễn M, mục đích bà vay tiền về để làm ăn riêng nên chồng bà không biết. Sau phiên hòa giải, bà T đã thay đổi ý kiến, chỉ thừa nhận còn nợ 395.000.000 đồng vì cho rằng tại phiên họp bà suy nghĩ chưa kỹ. Về nội dung giấy kê nợ ngày 01/5/2018 bà T cho rằng đã viết theo ý kiến của bà Đ nên bà T không thừa nhận trách nhiệm theo yêu cầu của vợ chồng nguyên đơn.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Minh H trình bày:

Bà Bùi Thị Đ cho bà T vay tiền trong những năm qua ông H đều biết, vì tiền cho vay là tiền chung của vợ chồng ông. Bà T vay tiền vợ chồng ông nhiều lần để làm ăn cho gia đình bà T. Ông H thống nhất với ý kiến của vợ ông, yêu cầu vợ chồng bà T có trách nhiệm trả nợ cho ông bà số tiền nợ như đã viết giấy xác nhận.

Về phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn M: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M thông qua bà T, tuy nhiên ông M không có bất kỳ ý kiến nào gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, ông M vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp

hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

Qua nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy nguyên đơn rút một phần yêu cầu phù hợp qui định của pháp luật, cần được chấp nhận. Yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở, bị đơn cũng đã thừa nhận số nợ tại biên bản hòa giải thành, việc bị đơn cho rằng trả lãi cao không có chứng cứ chứng minh.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và tính lãi từ ngày 02/5/2018 đến ngày xét xử, bị đơn phải chịu án phí theo quy định cuả pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên tranh luận và đại diện VKS phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn trả nợ số tiền vay, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2] *Về tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn M, vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi khởi của nguyên đơn: Vợ chồng nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn trả số nợ 743.800.000 đồng, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy kê nợ lập ngày 01/5/2018, bị đơn thừa nhận nội dung ghi trong giấy, chữ viết trên giấy do bị đơn Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp viết ra. Tại phiên họp hòa giải ngày 04 tháng 10 năm 2018 bị đơn T cũng xác nhận số nợ còn chưa trả cho vợ chồng nguyên đơn bà Bùi Thị Đ, ông Đặng Minh H là 743.800.000 đồng. Việc bị đơn thay đổi ý kiến chỉ xác nhận còn nợ nguyên đơn 395.000.000đ không được vợ chồng bà Đ thừa nhận, phía bị đơn không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Tại phiên tòa bà T cung cấp một số giấy ghi các chữ số, bà T cho rằng những giấy tờ này chứng minh cho việc trả lãi cho bà Đ. Tuy nhiên nội dung các tờ giấy không thể hiện rõ số tiền gốc bao nhiêu, lãi bao nhiêu, thời gian vay từng khoản, lãi từng khoản, không thể hiện người giao người nhận là ai, trong khi bà Đ không thừa nhận lời khai và chứng cứ bà T cung cấp. Do vậy không có căn cứ chấp nhận trình bày của bà Nguyễn Thị Xuân T.

Tại phiên tòa, bà Đ tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, đồng thời bà Đ bổ sung yêu cầu tính lãi của khoản nợ 616.600.000đ từ ngày 02/5/2018 đến ngày xét xử (05/11/2018), việc bổ sung yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện, phù hợp qui định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

Xét về nghĩa vụ trả nợ, bị đơn khai vay tiền của vợ chồng nguyên đơn về để làm ăn, mua bán tạp hóa và các sản phẩm đông y nhưng bị thất bại. Xét thấy khoản

vay mà vợ chồng bà Đ yêu cầu bà T trả nợ, bà T sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế gia đình, do vậy vợ chồng bà T ông M cùng có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp qui định của pháp luật tại điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những tình tiết trên thấy rằng, vợ chồng bà T ông M có nợ vợ chồng nguyên đơn nhiều khoản tiền như nguyên đơn yêu cầu, vợ chồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo qui định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về lãi suất, ban đầu bà Bùi Thị Đ yêu cầu bị đơn trả lãi theo xác nhận trong giấy kê nợ là 127.200.000đ, tiền lãi theo mức 5% tháng đã vượt quá qui định của pháp luật, do vậy bà tự nguyện rút lại yêu cầu số tiền lại này. Bà Đ thừa nhận đã nhận 36.000.000đ tiền lãi do bị đơn thanh toán, số tiền lãi này từ khi có giao dịch vay mượn giữa bà Đ và bà T đến thời điểm lập giấy là không vượt quá qui định nên bà Đ được hưởng là phù hợp.

Bà Đ yêu cầu tính lãi từ ngày 02/5/2018 đến ngày xét xử vụ án, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của vợ chồng bà, HĐXX xem xét cụ thể như sau:

Từ 02/5/2018 đến 05/11/2018 là 06 tháng 04 ngày:

616.600.000đ x 1.66% / tháng x 06 tháng 04 ngày = 62.778.000đ

Như vậy, số tiền lãi vợ chồng bà T còn phải trả vợ chồng nguyên đơn là 62.778.000đ

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu đòi tiền lãi 127.200.000đ đối với bị đơn.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Xuân T phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 679.378.000 (sáu trăm bảy mươi chín triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn đồng) trong đó gồm: 616.600.000đ nợ gốc và 62.778.000đ tiền lãi cho bà Bùi Thị Đ và ông Đặng Minh H.

2. Án phí: Vợ chồng ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu số tiền 31.175.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đối với số tiền phải thi hành án nêu trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Bùi Thị Đ, bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Đặng Minh H, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa, ông Nguyễn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hoa Nga